

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 22/CTCPTP3BROTHERS/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM 3 BROTHERS

Địa chỉ: Thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 9682275/ 0877566568

Email: thucpham3brothers@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0109186962

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 341/2022/NNPTNT-HAN; Ngày cấp 02/11/2022; Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Hà nội

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: GIÒ BÒ ƯỚC LỄ

2. Thành phần: Thịt bò (70-75%), mỡ heo, nước mắm, tiêu, muối ăn, đường kính, mỳ chính (INS 621); Tari K7 [INS 450(iii), INS 451(i), INS 452(i), INS 450(i)]; Dextrose; Transglutaminase; Dầu hạt cải; Erythrobat (INS 316); Acid sorbic (INS 200); Muối đỏ (INS 250).

3. Hạn sử dụng và bảo quản:

- 45 ngày ở nhiệt độ $0^{\circ}\text{C} - 4^{\circ}\text{C}$ kể từ ngày sản xuất.
- 90 ngày ở nhiệt độ dưới -12°C kể từ ngày sản xuất (hoặc ngăn đá tủ lạnh).
- NSX: In ở trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- + Sản phẩm được đóng trong túi OPP PA/LLD PE hút chân không, bề mặt có in hoặc dán nhãn chính, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.
- + Khối lượng tịnh: 200 g; 250 g; 300 g; 400 g; 500 g; 1 kg; 1,5 kg; 2 kg; 2,5 kg; 3 kg; 3,5 kg; 4 kg; 4,5 kg; 5 kg; và theo yêu cầu của khách hàng.



III. Mẫu nhãn sản phẩm:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: **GIÒ BÒ ƯỚC LỄ**

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá:

Tên tổ chức chịu trách nhiệm hàng hoá: Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm 3 Brothers

Địa chỉ: Thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Xuất xứ hàng hoá: Việt Nam.

4. Định lượng: Khối lượng tịnh:

5. Ngày sản xuất: In ở trên bao bì.

6. Hạn sử dụng:

+ 45 ngày kể từ ngày sản xuất ở nhiệt độ $0^{\circ}\text{C} - 4^{\circ}\text{C}$

+ 90 ngày kể từ ngày sản xuất ở nhiệt độ dưới -12°C (hoặc ngăn đá tủ lạnh).

7. Thành phần: Thịt bò (70-75%), mỡ heo, nước mắm, tiêu, muối ăn, đường kính, mỳ chính (INS 621); Tari K7 [INS 450(iii), INS 451(i), INS 452(i), INS 450(i)]; Dextrose; Transglutaminase; Dầu hạt cải; Erythrobat (INS 316); Acid sorbic (INS 200); Muối đỏ (INS 250).

8. Thông tin, cảnh báo:

+ Không sử dụng sản phẩm khi đã mất hút chân không.

+ Không sử dụng cho người dị ứng hoặc mẫn cảm với các thành phần của sản phẩm.

9. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

+ **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm có thể dùng ăn ngay khi hết lạnh hoặc dùng trong các món ăn tùy thích như lẩu, món trộn, bánh mỳ kẹp,... Ngon nhất khi được hấp nóng.

+ **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ $0^{\circ}\text{C} - 4^{\circ}\text{C}$ hoặc bảo quản ở nhiệt độ dưới -12°C (hoặc ngăn đá tủ lạnh).

10. Công dụng sản phẩm: Là thực phẩm thông thường.



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP quy định về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

- Thông tư số 24/2019-TT-BYT về việc quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm”:

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố | Nhóm áp dụng |
|-----|------------------|-------------|-------------|---|
| 1 | TSVSVHK | CFU/g | $< 10^5$ | Thịt và sản phẩm chế biến từ thịt sử dụng trực tiếp không cần xử lý nhiệt |
| 2 | <i>Samonella</i> | /25g | KPH | |
| 3 | <i>E. coli</i> | MPN/g | < 30 | |

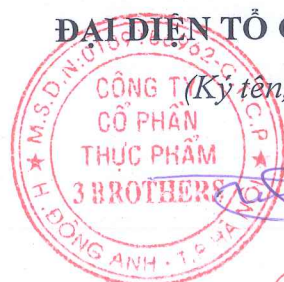
- QCVN 8-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm” dùng cho nhóm sau:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố | Nhóm áp dụng |
|----|--------------|-------------|-------------|--|
| 1 | Cadimi (Cd) | mg/kg | < 0.04 | Thịt trâu, thịt bò, thịt lợn, thịt cừu, thịt gia cầm |
| 2 | Chì (Pb) | mg/kg | < 0.09 | |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Lâm

DỰ THẢO GHI NHÃN SẢN PHẨM

- Tên sản phẩm:** GIÒ BÒ ƯỚC LỄ
- Thành phần:** Thịt bò (70-75%), mỡ heo, nước mắm, tiêu, muối ăn, đường kính, mỳ chính (INS 621); Tari K7 [INS 450(iii), INS 451(i), INS 452(i), INS 450(i)]; Dextrose; Transglutaminase; Dầu hạt cải; Erythrobat (INS 316); Acid sorbic (INS 200); Muối đỏ (INS 250).
- Khối lượng tịnh:** 200 g; 250 g; 300 g; 400 g; 500 g; 1 kg; 1,5 kg; 2 kg; 2,5 kg; 3 kg; 3,5 kg; 4 kg; 4,5 kg; 5 kg; và theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm:**
 - + 45 ngày kể từ ngày sản xuất ở nhiệt độ $0^{\circ}\text{C} - 4^{\circ}\text{C}$
 - + 90 ngày kể từ ngày sản xuất ở nhiệt độ dưới -12°C (hoặc ngăn đá tủ lạnh).NSX: In ở trên bao bì.
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**
 - + **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm có thể dùng ăn ngay khi hết lạnh hoặc dùng trong các món ăn tùy thích như lẩu, món trộn, bánh mỳ kẹp,... Ngon nhất khi được hấp nóng.
 - + **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ $0^{\circ}\text{C} - 4^{\circ}\text{C}$ hoặc bảo quản ở nhiệt độ dưới -12°C (hoặc ngăn đá tủ lạnh).
- Thông tin, cảnh báo:**
 - + Không sử dụng sản phẩm khi đã mất hút chân không.
 - + Không sử dụng cho người dị ứng hoặc mẫn cảm với các thành phần của sản phẩm.
- Số tự công bố:** 22/CTCPTP3BROTHERS/2023
- Xuất xứ:** Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM 3 BROTHERS

Địa chỉ: Thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 9682275/ 0877566568

Website: www.3brothersfoods.vn



Trang/ Page No: 1/1
Ngày ban hành/ Date of issue: 20/05/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3X649E0262
Mã KQ/ RP. No: 001001228.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM 3 BROTHERS**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 15/05/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 15/05/2023 - 20/05/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : **GIÒ BÒ ƯỚC LỄ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Sản phẩm đựng trong túi HCK
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s) | Kết Quả/ Result (s) | Đơn Vị/ Unit | GPHH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|--|
| 1 | LH Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) |
| 2 | LH Escherichia coli / Escherichia coli | Không phát hiện/ Not Detected | MPN/g | 0 | TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015) |
| 3 | LH Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*) | Không phát hiện/ Not Detected | /25g | - | TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) |
| 4 | LH Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.01 | TS-KT-QP-36:2020 |
| 5 | LH Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*) | 0.014 | mg/kg | - | TS-KT-QP-34:2020 |

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TÂN CƯỜNG